

QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh định mức đầu tư thuộc Dự án 5 triệu ha
rừng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2009 - 2010.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 164/2008/QĐ-TTg ngày 11/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Quyết định số 100/2007/QĐ-TTg ngày 06/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 29/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 58/2008/TTLT-BNN-KHĐT-TC ngày 02/5/2008 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng giai đoạn 2007 - 2010;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2008/TTLT-BKH-BNN-BTC ngày 23/6/2008 của liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển rừng sản xuất;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 224/TTr-SNN ngày 17/6/2009 về việc điều chỉnh mức đầu tư thuộc Dự án 5 triệu ha rừng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2008 - 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh mức đầu tư thuộc Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2009 - 2010, như sau:

1.1 Mức đầu tư trồng rừng phòng hộ, đặc dụng để cân đối kế hoạch đầu tư hàng năm, bình quân 10.000.000 đồng/ha, gồm:

- Trồng và chăm sóc năm thứ nhất: 6.500.000 đồng/ha.
- Chăm sóc năm thứ hai: 1.500.000 đồng/ha.
- Chăm sóc năm thứ ba: 1.200.000 đồng/ha.
- Chăm sóc năm thứ tư: 800.000 đồng/ha.



Việc lập thiết kế dự toán chi tiết trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng thuộc dự án theo khung định mức kinh tế kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 6/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đơn giá nhân công được tính theo giá thị trường hiện tại của địa phương và giá vật tư được tính theo giá quy định của Sở Tài chính. Trong trường hợp mức đầu tư trồng rừng được phê duyệt trong phạm vi 10 triệu đồng/ha (cho cả trồng và chăm sóc các năm tiếp theo) thì đơn vị chủ rừng tự thực hiện hoặc khoán theo công đoạn hay khoán đến khi thành rừng. Trường hợp mức đầu tư cao hơn 10 triệu đồng/ha (cho cả trồng và chăm sóc các năm tiếp theo) thì tổ chức đấu thầu theo quy định.

1.2 Hỗ trợ trồng rừng sản xuất: Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 02/2008/TTLT-BKH-BNN-BTC ngày 23/6/2008 của liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển rừng sản xuất.

1.3 Khoán quản lý, bảo vệ rừng: Áp dụng đơn giá chung trên địa bàn tỉnh là 100.000 đồng/ha/năm cho tất cả diện tích giao khoán quản lý, bảo vệ rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên.

1.4 Xây dựng cơ sở hạ tầng: Xây dựng các công trình thiết yếu phục vụ lâm sinh với mức kinh phí không vượt quá 10 % tổng số vốn ngân sách đầu tư cho Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, trong đó có chuyển hoá rừng giống.

1.5 Hoạt động khuyến lâm: Sử dụng 2 % tổng vốn ngân sách đầu tư hàng năm cho Dự án trồng rừng để tổ chức các hoạt động khuyến lâm như: Xây dựng mô hình; chuyển giao tiến độ khoa học kỹ thuật; thông tin; hướng dẫn tập huấn cho người làm nghề rừng tại địa bàn, phục vụ trực tiếp cho Dự án.

1.6 Chi phí quản lý: Kinh phí quản lý Dự án trồng rừng được tính chung là 10 % tổng vốn ngân sách đầu tư cho Dự án, được phân bổ như sau: Các Bộ, ngành ở Trung ương là 0,7 %; tỉnh 1,3 %; chủ dự án cơ sở là 8 %.

1.7 Thiết kế phí các hạng mục lâm sinh:

a. Thiết kế phí, lập hồ sơ khoán bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh tự nhiên chỉ làm năm đầu tiên và được lấy từ kinh phí của các hạng mục đó năm đầu tiên, chi phí là 30.000 đồng/ha.

b. Thiết kế phí cho trồng rừng mới được tính trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành và sử dụng trong đơn giá (hoặc dự toán) trồng rừng.

1.8 Phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán các hạng mục lâm sinh (trồng rừng, khoán quản lý, bảo vệ rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh).

Điều 2. Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 18/04/2008 của UBND tỉnh áp dụng đối với rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trồng năm 2008; Quyết định này áp dụng đối với rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trồng năm 2009 và năm 2010.



Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng: Ban Quản lý dự án 661 tỉnh, Ban Quản lý dự án 661 cơ sở; Chủ tịch UBND các huyện, thị và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

K. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Văn Danh

Nơi nhận:

- TT.TU; TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các P.CT;
- Như điều 3;
- LĐVP, CV: SX;
- Lưu: VT (Hoàn-qđ100).